TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **92**/2025/QĐST-VHNGĐ	*Đồng Nai, ngày 11 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 226/2025/TLST-VHNGĐ, ngày 28/8/2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Đỗ Văn T**, sinh năm 1993.

Nơi thường trú: Tổ 5, Ấp 11, xã T, tỉnh Đồng Nai.

Số căn cước công dân: 075093007220. Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 22/5/2025.

- Chị **Ká H**, sinh năm 1997.

Nơi thường trú: Tổ 4, Ấp 4, xã B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Ấp Lộc Hòa, xã H, tỉnh Đồng Nai.

Số căn cước công dân: 075197017557. Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 12/8/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn T và chị Ká H tự nguyện tìm hiểu nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Sông Trầu, huyện T, tỉnh Đồng Nai nay là xã T, tỉnh Dồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109 ngày 13/9/2019 nên áp dụng Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay anh T và chị H xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Hữu D, sinh ngày 09/3/2020. Ly hôn, chị H và anh T thống nhất giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, anh T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/01 tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Đỗ Văn T và chị Ká H mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng 150.000đ anh T đã nộp theo biên lai thu số 0000307 ngày 22/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được tính trừ vào lệ phí anh T phải chịu. Số tiền tạm ứng 150.000đ chị Hợm đã nộp theo biên lai thu số 0000309 ngày 22/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được tính trừ vào lệ phí chị Hợm phải chịu. Anh T và chị Hợm đã nộp xong lệ phí.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn T và chị Ká H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa anh Đỗ Văn T và chị Ká H, giao con chung là cháu Đỗ Hữu D, sinh ngày 09/3/2020 cho chị Ká H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Đỗ Văn T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/01 tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động.

Anh Đỗ Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản anh Đỗ Văn T thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về lệ phí: Anh Đỗ Văn T và chị Ká H mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng 150.000đ anh Đỗ Văn T đã nộp theo biên lai thu số 0000307 ngày 22/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được tính trừ vào lệ phí anh Đỗ Văn T phải chịu. Số tiền tạm ứng 150.000đ chị Ká H đã nộp theo biên lai thu số 0000309 ngày 22/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được tính trừ vào lệ phí chị Ká H phải chịu. (Anh T và chị H đã nộp xong lệ phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 3– Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Đào